TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2024/DS-ST
Ngày 09 - 12 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái

Bà Đoàn Thị Sim

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 474/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Bích T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Anh Q, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà T trình bày:

Ngày 18/6/2019 âm lịch bà có cho ông T1 vay số tiền 104.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hẹn trong thời hạn 05 tháng sẽ trả đủ vốn và lãi cho bà nhưng từ khi vay đến nay ông T1 không đóng lãi cũng như trả vốn cho bà mặc dù bà đã liên hệ đòi nhiều lần. Khi vay ông T1 có viết và ký tên vào biên nhận nợ, trong biên nhận ghi ông T1 có vay tiền của thiếm 7 Quốc, Q là chồng bà tên Nguyễn Anh Q1.

Nay bà yêu cầu ông T1 trả cho bà số tiền vốn là 104.000.000 đồng, tiền lãi

tính từ ngày vay 18/6/2019 âm lịch, tức ngày 20/7/2019 dương lịch đến ngày xét xử là ngày 09/12/2024, thời gian là 05 năm 04 tháng 19 ngày, mức lãi suất 20%/năm tương đương số tiền 112.031.109 đồng. Tổng số tiền là 216.031.109 đồng.

Ông Q1 trình bày:

Bà T là vợ của ông, trong biên nhận vay tiền ngày 18/6/2019 âm lịch giữa bà T và ông T1 thể hiện ông T1 có vay tiền của T2 7 Quốc số tiền 104.000.000 đồng, Q1 là tên của ông Huỳnh Anh Q nhưng mọi giao dịch vay mượn tiền với ông T1 đều do vợ ông là bà T trực tiếp thực hiện với ông T1, ông không có tranh chấp gì đối với số tiền này nên không có ý kiến gì trong vụ án.

Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, ông Q yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 104.000.000 đồng: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với biên nhận ngày 18/6/2019 âm lịch thể hiện bị đơn có vay nguyên đơn số tiền 104.000.000 đồng. Theo nguyên đơn trình bày, quá trình vay bị đơn không thanh toán gốc và lãi cho nguyên đơn lần nào nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ trên.

Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu lãi suất chậm trả: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với quy định của pháp luật.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày vay 18/6/2019 âm lịch tức ngày 20/7/2019 dương lịch đến ngày 09/12/2024 là 05 năm 04 tháng 19 ngày, mức lãi suất 20%/năm với số tiền 104.000.000đ x 1,66%/tháng x 05 năm 04 tháng 19 ngày = 110.817.016 đồng, mức lãi suất và số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Đối với ông Q không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 214.817.016 đồng, trong đó tiền gốc là 104.000.000 đồng, tiền lãi là 110.817.016 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là: 10.740.850 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu, được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Bích T.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Bích T số tiền 214.817.016 đồng (Hai trăm mười bốn triệu tám trăm mười bảy nghìn không trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Bích T không phải chịu, hoàn trả lại cho bà T 5.302.000 đồng (Năm triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003895 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 10.740.850 đồng (Mười triệu bảy trăm bốn mươi nghìn tám trăm năm mươi đồng), chưa nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Việt Khái **Đoàn Thị Sim** **Hồ Dũng Liêm**